CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA ***AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY*** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ---
Số/*No.*: 32/2025/TB CBTT-ASP	*Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2025* *Ho Chi Minh City, August 29, 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To*: - **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. **Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Name of organization*: *AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/*Stock code*: **ASP**
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh
Address : *Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Hochiminh City*
- Điện thoại/*Tel.* : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Reviewed interim separate and consolidated financial statements for the first half of 2025 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn: *https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/*

This information was published on the company's website on August 29, 2025, as in the link: https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- *Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét 06 tháng đầu năm 2025*
Reviewed interim separate and consolidated financial statements for the first half of 2025

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người uỷ quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA, c=VN, o=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA, email=tuln.pdtc@anphapetrol.com
Date: 2025.08.29 16:57:13 +07'00'

TRẦN DUY LUÂN

Anpha Petrol®
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
P.805, Lầu 8, Tòa Nhà Saigon Paragon
03 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, TPHCM
Điện thoại : (08) 54136338 / 39 Fax : (08) 54136340

Số: 05/2025_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng bán niên năm 2025 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 tăng so với 6 tháng đầu năm 2024 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu		Số liệu dã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2025	Số liệu dã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch (VNĐ)
		1	2	3=1-2
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.432.394.787	19.721.478.633	25.710.916.154
2	Doanh thu hoạt động tài chính	17.597.531.934	6.682.749.812	10.914.782.122
3	Chi phí tài chính	*26.664.208.379*	*17.019.970.037*	9.644.238.342
4	Chi phí bán hàng	5.217.703.365	3.913.816.946	1.303.886.419
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.656.140.538	11.566.228.991	2.089.911.547
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.500.215.689	(6.059.980.925)	23.560.196.614
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.500.215.689	(6.059.980.925)	23.560.196.614

1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 25.710.916.154 đồng nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng và doanh thu bán hàng tăng, giá vốn mua hàng giảm nên làm lợi nhuận gộp tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính tăng 10.914.782.122 đồng nguyên nhân chủ yếu do thu nhập lợi nhuận được chia từ công ty liên kết tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính tăng 9.644.238.342 đồng nguyên nhân chủ yếu do lỗ tổn thất đầu tư khi giải thể công ty con và lỗ chênh lệch tỉ giá tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng tăng 1.303.886.419 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, chi phí giám định nhập hàng tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý tăng 2.089.911.547 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thanh toán LC, chi phí công tác, hội nghị tăng so với cùng kỳ.

  Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của Công ty đã chuyển từ lỗ trong 6 tháng đầu năm 2024 là: 6.059.980.925 đồng sang lãi trong 6 tháng đầu năm 2025 là: 17.500.215.689 đồng, đã tăng 23.560.196.614 đồng.

2. Gải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu		Số liệu sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2025	Số liệu trước kiểm toán 6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch (VNĐ)
		1	2	3=1-2
1	Chi phí tài chính	26.664.208.379	*24.749.538.653*	1.914.669.726
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.500.215.689	19.414.885.415	(1.914.669.726)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.500.215.689	19.414.885.415	(1.914.669.726)

Nguyên nhân:

- Chi phí tài chính sau kiểm toán tăng 1.914.669.726 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh tính lại lỗ chệch tỉ giá tại thời điểm cuối kỳ kế toán.
  Nguyên nhân trên đã làm lợi nhuận sau thuế năm 6 tháng đầu năm 2025 trên báo cáo sau kiểm toán điều chỉnh giảm 1.914.669.726 đồng so với báo cáo trước kiểm toán.

Trân trọng.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Sở GDCKTP.HCM
- Lưu VT, NQTCTY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Anpha Petrol
M.S.D.N: 0303224471

SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

Thành phố Hồ Chí Minh – Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ	9- 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc cập nhật địa chỉ Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 là 373.399.290.000 VND *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn)*.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kobayhashi Naoki	Tổng Giám đốc
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/6/2025)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Anpha Petrol
M.S.D.N: 0303224411

Sakamoto Shinichiro
Phó Tổng Giám đốc
(Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-ASP ngày 27/6/2024 của Tổng Giám đốc)
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 243/2025/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 27/8/2025, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**665.674.557.691**	**569.267.385.454**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**27.877.316.449**	**99.418.961.136**
1.	Tiền	111		27.877.316.449	39.418.961.136
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5.2**	**62.200.000.000**	**200.000.000**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62.200.000.000	200.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**546.899.500.261**	**433.401.971.470**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	534.407.517.396	389.815.117.808
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.657.156.857	6.626.932.095
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.250.000.000	34.573.500.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	3.796.733.276	8.598.328.835
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(6.211.907.268)	(6.211.907.268)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.8**	**20.614.821.139**	**29.259.368.048**
1.	Hàng tồn kho	141		20.614.821.139	29.259.368.048
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**8.082.919.842**	**6.987.084.800**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.628.410.140	945.139.278
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.587.435.820
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	4.454.509.702	4.454.509.702
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)**	**200**		**867.449.055.172**	**883.177.891.298**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**117.415.226.001**	**111.415.226.001**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	90.000.000.000	90.000.000.000
2.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	24.337.320.000	18.337.320.000
3.	Phải thu dài hạn khác	216	5.6	3.077.906.001	3.077.906.001
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**13.966.723.631**	**16.708.936.181**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	10.905.465	16.734.255
-	*Nguyên giá*	*222*		*2.508.895.818*	*2.508.895.818*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(2.497.990.353)*	*(2.492.161.563)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	13.955.818.166	16.692.201.926
-	*Nguyên giá*	*228*		*27.363.837.578*	*27.363.837.578*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(13.408.019.412)*	*(10.671.635.652)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**-**
V.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.2**	**669.964.630.696**	**680.144.947.196**
1.	Đầu tư vào Công ty con	251		615.724.701.227	634.124.701.227
2.	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		155.859.613.905	147.639.930.405
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(101.619.684.436)	(101.619.684.436)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**66.102.474.844**	**74.908.781.920**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	66.102.474.844	74.908.781.920
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**1.533.123.612.863**	**1.452.445.276.752**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**1.076.750.530.041**	**1.013.572.409.619**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.076.750.530.041**	**1.006.162.619.619**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	558.111.385.349	405.729.143.420
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	833.706.241
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.311.415.741	949.194.075
4.	Phải trả người lao động	314		329.317.195	324.680.845
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	130.487.878	977.906.064
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.432.943.043	16.245.403.721
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	513.416.106.927	581.083.711.345
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**7.409.790.000**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	7.409.790.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410+430)**	**400**		**456.373.082.822**	**438.872.867.133**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.17**	**456.373.082.822**	**438.872.867.133**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*373.399.290.000*	*373.399.290.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3.	Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.237.784.606	63.737.568.917
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*63.737.568.917*	*38.100.064.410*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*17.500.215.689*	*25.637.504.507*
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**1.533.123.612.863**	**1.452.445.276.752**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Lại Văn Tú	Lại Văn Tú	Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**1.376.814.533.123**	**1.159.077.123.594**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	**10**		**1.376.814.533.123**	**1.159.077.123.594**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.331.382.138.336	1.139.355.644.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**45.432.394.787**	**19.721.478.633**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.597.531.934	6.682.749.812
7. Chi phí tài chính	22	6.4	26.664.208.379	17.019.970.037
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*12.196.653.047*	*12.442.449.530*
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.217.703.365	3.913.816.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.656.140.538	11.566.228.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**17.491.874.439**	**(6.095.787.529)**
11. Thu nhập khác	31	6.7	8.341.250	35.806.604
12. Chi phí khác	32	6.7	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**	**6.7**	**8.341.250**	**35.806.604**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	**50**		**17.500.215.689**	**(6.059.980.925)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**17.500.215.689**	**(6.059.980.925)**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Lại Văn Tú	Lại Văn Tú	Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	**01**		***17.500.215.689***	***(6.059.980.925)***
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.742.212.550	2.965.044.508
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.975.569.726	4.259.160.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.473.370.331)	(5.510.568.005)
- Chi phí lãi vay	06		12.196.653.047	12.442.449.530
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	**08**		***21.941.280.681***	***8.096.105.108***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(122.557.054.154)	199.876.051.733
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.644.546.909	21.305.050.234
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		154.061.996.819	(246.586.014.959)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.123.036.214	6.095.171.574
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.044.071.233)	(12.499.707.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**55.169.735.236**	**(23.713.343.764)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.475.850.000)	(8.523.228.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.800.000.000)	(51.450.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.123.500.000	78.475.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.219.683.500)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.798.947.995	3.809.424.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(51.573.085.505)***	***22.311.196.551***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		684.703.536.232	1.051.185.249.392
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(759.841.830.650)	(1.127.535.100.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***(75.138.294.418)***	***(76.349.851.444)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(71.541.644.687)**	**(77.751.998.657)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**99.418.961.136**	**142.119.853.420**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**27.877.316.449**	**64.367.854.763**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Lại Văn Tú	Lại Văn Tú	Sakamoto Shinichiro

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).*

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh..

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 11 người (tại ngày 01/01/2025 là 11 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được công bố tại Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Các Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phù Đổng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
4	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
	Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)					
5	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty TNHH MTV Minh Gia (i)	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm ngưng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Các Công ty liên kết					
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	22 Đường 25A, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vinh Phú, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	47 Đường Nguyễn Khang, Phường An Khê, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,54%	40,54%	40,54%
10	Công ty Cổ phần MT Gas	5/1 Khu Phố 6, Quốc lộ 1A, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,73%	40,73%	40,73%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sữa chữa lớn. Các khoản chi chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	346.589.509	408.651.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.530.726.940	39.010.310.107
Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
Tổng	**27.877.316.449**	**99.418.961.136**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**62.200.000.000**	**62.200.000.000**	**200.000.000**	**200.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	62.200.000.000	62.200.000.000	200.000.000	200.000.000
Tổng	**62.200.000.000**	**62.200.000.000**	**200.000.000**	**200.000.000**

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,8%/năm. Trong đó, giá trị tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nam Sài Gòn bị phong tỏa để làm tài sản đảm bảo để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty là 2.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	98,56%	98,56%	142.307.241.235	(i)	-	142.307.241.235	(i)	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(68.217.768.768)	443.340.459.992	(i)	(68.217.768.768)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (ii)			-	(i)	-	18.400.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	51,00%	51,00%	1.828.000.000	(i)	(1.413.241.865)	1.828.000.000	(i)	(1.413.241.865)
Tổng			**615.724.701.227**		**(89.229.010.633)**	**634.124.701.227**		**(89.229.010.633)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyển sang)			**615.724.701.227**		**(89.229.010.633)**	**634.124.701.227**		**(89.229.010.633)**
Đầu tư vào Công ty liên kết			**155.859.613.905**		**(12.390.673.803)**	**147.639.930.405**		**(12.390.673.803)**
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina (iii)	35,00%	35,00%	18.945.079.125	(i)	-	10.725.395.625	(i)	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	(1.470.000.000)	1.470.000.000	(i)	(1.470.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	(2.385.320.000)	2.385.320.000	(i)	(2.385.320.000)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	(4.900.000.000)	7.513.340.000	(i)	(4.900.000.000)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	(1.649.483.462)	2.940.000.000	(i)	(1.649.483.462)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	-	13.650.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	-	34.000.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	(1.639.387.150)	20.000.000.000	(i)	(1.639.387.150)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung (iv)	40,54%	40,54%	19.256.500.000	(i)	(346.483.191)	19.256.500.000	(i)	(346.483.191)
Công ty Cổ phần MT Gas (v)	40,73%	40,73%	35.699.374.780	34.050.760.000	-	35.699.374.780	31.922.587.500	-
Tổng			**771.584.315.132**		**(101.619.684.436)**	**781.764.631.632**		**(101.619.684.436)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải đã thực hiện giải thể và chấm dứt hoạt động.

(iii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina theo Nghị quyết số 04/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 01/4/2025 của Hội đồng Quản trị.

(iv) Theo Nghị quyết số 11/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 30/5/2025 của Hội đồng Quản trị, Công ty dự kiến chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung. Thời gian thực hiện: trong quý 3 năm 2025.

(v) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2025. Cụ thể, tại ngày 30/6/2025, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 8.000 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**534.407.517.396**	**389.815.117.808**
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	166.265.486.398	137.657.597.002
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	139.602.926.872	63.549.971.953
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	37.858.973.655	22.916.343.615
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	51.506.682.150	-
Các đối tượng khác	139.173.448.321	165.691.205.238
b) Dài hạn	**90.000.000.000**	**90.000.000.000**
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	90.000.000.000
Tổng	**624.407.517.396**	**479.815.117.808**
Trong đó,		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***472.483.349.289***	***479.480.379.769***

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Các đối tượng khác	877.516.139	847.291.377
Tổng	**6.657.156.857**	**6.626.932.095**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu về cho vay

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**8.250.000.000**	**34.573.500.000**
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	13.648.500.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	475.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (i)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na (ii)	2.800.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas (iii)	1.450.000.000	1.450.000.000
b) Dài hạn	**24.337.320.000**	**18.337.320.000**
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	14.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	**32.587.320.000**	**52.910.820.000**
Trong đó, ***Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)***	***28.587.320.000***	***48.910.820.000***

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024, sau đó đã được gia hạn đến hết ngày 31/12/2025. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na vay theo Hợp đồng số 1905/2025/HDCV/ASP-HVGC ngày 19/5/2025, số tiền vay là 2.800.000.000 VND. Lãi suất tiền vay là 8%/năm. Thời hạn vay: đến hết ngày 30/4/2026.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Phải thu khác

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	**Dự phòng**	**Giá trị ghi sổ**	**Dự phòng**
a) Ngắn hạn	**3.796.733.276**	-	**8.598.328.835**	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	665.323.693	-	574.859.190	-
Tạm ứng cho nhân viên	609.617.964	-	613.247.165	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	85.027.000	-	121.027.000	-
Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	2.036.764.619	-	889.195.480	-
Ông Ngô Mạnh Hùng	-	-	6.000.000.000	-
b) Dài hạn	**3.077.906.001**	-	**3.077.906.001**	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	2.892.906.000	-	2.892.906.000	-
Ông Trần Quốc Bửu (iii)	185.000.001	-	185.000.001	-
Tổng	**6.874.639.277**	-	**11.676.234.836**	-
Trong đó,				
Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***523.297.944***	-	***897.256.999***	-

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025. Năm 2025 là năm cuối cùng Công ty thu hồi theo lịch thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Nợ xấu

	30/6/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Trả trước cho người bán		**6.211.907.268**	**-**	**(6.211.907.268)**		**6.211.907.268**	**-**	**(6.211.907.268)**
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	432.266.550	-	(432.266.550)	Trên 3 năm	432.266.550	-	(432.266.550)
Tổng		**6.211.907.268**	**-**	**(6.211.907.268)**		**6.211.907.268**	**-**	**(6.211.907.268)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Hàng tồn kho

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	20.614.821.139	-	29.259.368.048	-
Tổng	**20.614.821.139**	-	**29.259.368.048**	-

5.9 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**3.628.410.140**	**945.139.278**
Chi phí bảo lãnh phát hành	1.616.218.830	309.995.157
Chi phí sửa chữa	47.620.003	142.860.001
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	1.458.818.911	280.023.704
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	505.752.396	212.260.416
b) Dài hạn	**66.102.474.844**	**74.908.781.920**
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	64.577.564.825	71.535.268.571
Chi phí thuê	1.516.000.000	3.335.200.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.910.019	38.313.349
Tổng	**69.730.884.984**	**75.853.921.198**

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**2.508.895.818**	**2.508.895.818**
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	**2.508.895.818**	**2.508.895.818**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**2.492.161.563**	**2.492.161.563**
Tăng trong kỳ	**5.828.790**	**5.828.790**
Khấu hao trong kỳ	5.828.790	5.828.790
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	**2.497.990.353**	**2.497.990.353**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	**16.734.255**	**16.734.255**
Tại ngày 30/6/2025	**10.905.465**	**10.905.465**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025: 2.473.923.091 VND (tại ngày 01/01/2025: 2.473.923.091 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**27.363.837.578**	**27.363.837.578**
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	**27.363.837.578**	**27.363.837.578**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**10.671.635.652**	**10.671.635.652**
Tăng trong kỳ	**2.736.383.760**	**2.736.383.760**
Khấu hao trong kỳ	2.736.383.760	2.736.383.760
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	**13.408.019.412**	**13.408.019.412**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	**16.692.201.926**	**16.692.201.926**
Tại ngày 30/6/2025	**13.955.818.166**	**13.955.818.166**

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	169.092.853.676	169.092.853.676	291.565.147.848	291.565.147.848
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	72.065.518.829	72.065.518.829	55.289.415.005	55.289.415.005
E1 Corporation	106.341.642.832	106.341.642.832	7.464.824.000	7.464.824.000
Phải trả người bán khác	210.611.370.012	210.611.370.012	51.409.756.567	51.409.756.567
Tổng	**558.111.385.349**	**558.111.385.349**	**405.729.143.420**	**405.729.143.420**
Trong đó,				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***51.159.946.936***	***51.159.946.936***	***62.172.338***	***62.172.338***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	**949.194.075**	**59.654.528.032**	**57.292.306.366**	**3.311.415.741**
Thuế giá trị gia tăng	761.412.048	50.371.629.101	48.023.136.237	3.109.904.912
Thuế xuất, nhập khẩu	149.296.480	8.785.529.202	8.776.582.586	158.243.096
Thuế thu nhập cá nhân	38.485.547	278.217.226	273.435.040	43.267.733
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	219.152.503	219.152.503	-
Phải thu	**4.454.509.702**	-	-	**4.454.509.702**
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.454.509.702	-	-	4.454.509.702

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	130.487.878	977.906.064
Tổng	**130.487.878**	**977.906.064**

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	10.085.544	3.549.021
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải	-	15.139.169.928
Phải trả ngắn hạn khác	537.436.735	217.264.008
Tổng	**1.432.943.043**	**16.245.403.721**
Trong đó,		
Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	-	***15.139.169.928***

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	Ghi chú	30/6/2025 (VND) Giá trị	30/6/2025 (VND) Số có khả năng trả nợ	Trong kỳ (VND) Tăng	Trong kỳ (VND) Giảm	01/01/2025 (VND) Giá trị	01/01/2025 (VND) Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn		**513.416.106.927**	**513.416.106.927**	**692.174.226.232**	**759.841.830.650**	**581.083.711.345**	**581.083.711.345**
Vay ngắn hạn		***498.199.806.927***	***498.199.806.927***	***683.714.556.232***	***725.205.840.650***	***539.691.091.345***	***539.691.091.345***
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh	(i)	349.344.500.031	349.344.500.031	459.972.922.423	305.558.934.695	194.930.512.303	194.930.512.303
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	(ii)	84.662.143.656	84.662.143.656	84.662.143.656	61.033.446.048	61.033.446.048	61.033.446.048
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	(iii)	64.193.163.240	64.193.163.240	139.079.490.153	358.613.459.907	283.727.132.994	283.727.132.994
Vay dài hạn đến hạn trả		***15.216.300.000***	***15.216.300.000***	***8.459.670.000***	***34.635.990.000***	***41.392.620.000***	***41.392.620.000***
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited		-	-	83.000.000	5.193.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch)	(iv)	15.216.300.000	15.216.300.000	8.376.670.000	29.442.790.000	36.282.420.000	36.282.420.000
b) Vay dài hạn		-	-	-	**7.409.790.000**	**7.409.790.000**	**7.409.790.000**
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch)	(iv)	-	-	-	7.409.790.000	7.409.790.000	7.409.790.000
Tổng		**513.416.106.927**	**513.416.106.927**	**692.174.226.232**	**767.251.620.650**	**588.493.501.345**	**588.493.501.345**

(i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021:

Hạn mức tín dụng	:	Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.
Thời hạn của các khoản vay	:	không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất:	:	Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu	:	Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
Biện pháp bảo lãnh	:	Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/017/25 ngày 03/3/2025 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Hạn mức tín dụng	:	Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
Thời hạn của các khoản vay	:	không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	:	Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
Lãi suất:	:	0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng
Thời hạn rút vốn	:	Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2025 đến ngày 15/3/2026, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
Biện pháp bảo đảm	:	khoản vay không có tài sản đảm bảo

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng	:	15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
Thời hạn của các khoản vay	:	không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	:	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay
Thời hạn rút vốn	:	Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn:		Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.
Biện pháp bảo đảm	:	Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

(iv) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay	:	2.900.000 USD
Ngày giải ngân	:	26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên	:	31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay	:	tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay	:	2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm	:	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**373.399.290.000**	**1.433.420.000**	**(3.639.900)**	**306.228.116**	**38.100.064.410**	**413.235.362.626**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.637.504.507	25.637.504.507
Số dư tại ngày 31/12/2024	**373.399.290.000**	**1.433.420.000**	**(3.639.900)**	**306.228.116**	**63.737.568.917**	**438.872.867.133**
Số dư tại ngày 01/01/2025	**373.399.290.000**	**1.433.420.000**	**(3.639.900)**	**306.228.116**	**63.737.568.917**	**438.872.867.133**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	17.500.215.689	17.500.215.689
Số dư tại ngày 30/6/2025	**373.399.290.000**	**1.433.420.000**	**(3.639.900)**	**306.228.116**	**81.237.784.606**	**456.373.082.822**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	**37.339.929**	**100,00%**	**373.399.290.000**	**37.339.929**	**100,00%**	**373.399.290.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**37.339.929**	**37.339.929**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**37.339.929**	**37.339.929**
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	**387**	**387**
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**37.339.542**	**37.339.542**
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng	**306.228.116**	**306.228.116**

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	5.663.826.000	6.307.426.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	8.467.197.000	5.299.662.000
Trên 05 năm	-	-
Tổng	**14.131.023.000**	**11.607.088.000**

b. Nợ xấu đã xử lý

	Số nợ đã xóa		
	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND	Thời điểm xóa nợ
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Tổng	**1.300.000.000**	**1.300.000.000**	

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán LPG	1.363.257.304.846	1.146.696.175.782
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	7.432.956.900	6.712.956.900
Doanh thu cho thuê lại mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	3.081.381.816	4.703.093.050
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	3.042.889.561	964.897.862
Tổng	**1.376.814.533.123**	**1.159.077.123.594**
Trong đó,		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***883.419.931.546***	***678.979.630.308***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán LPG	1.318.782.768.636	1.128.261.313.017
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	6.957.703.746	6.957.703.746
Giá vốn cho thuê lại mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	3.157.076.816	3.501.381.816
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	2.484.589.138	635.246.382
Tổng	**1.331.382.138.336**	**1.139.355.644.961**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.889.412.498	4.159.614.722
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.586.074.314	1.350.953.283
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	122.045.122	1.172.181.807
Tổng	**17.597.531.934**	**6.682.749.812**
Trong đó,		
Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***15.878.370.012***	***2.874.751.910***

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	12.196.653.047	12.442.449.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.489.869.125	321.600.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.975.569.726	4.255.920.000
Lỗ do thoái vốn tại Công ty con	5.002.116.481	-
Tổng	**26.664.208.379**	**17.019.970.037**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	2.848.935.909	984.641.117
Chi phí bảo lãnh mua hàng	2.368.767.456	2.929.175.829
Tổng	**5.217.703.365**	**3.913.816.946**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.955.952.895	3.197.994.832
Chi phí vật liệu quản lý	-	62.526.628
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.264.471	68.610.846
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.742.212.550	2.965.044.508
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.747.715.149	2.627.758.556
Chi phí bằng tiền khác	3.081.995.473	2.640.293.621
Tổng	**13.656.140.538**	**11.566.228.991**

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	8.150.000	23.700.000
Các khoản khác	191.250	12.106.604
Tổng	**8.341.250**	**35.806.604**
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	**8.341.250**	**35.806.604**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**17.500.215.689**	**(6.059.980.925)**
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	***(15.586.074.314)***	***(1.350.953.283)***
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(15.586.074.314)*	*(1.350.953.283)*
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.914.141.375**	**(7.410.934.208)**
Lỗ được kết chuyển (i)	*(1.914.141.375)*	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	**(7.410.934.208)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	*20%*	*20%*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(i) Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế có thời hạn chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phụ thuộc sự kiểm tra, quyết toán của Cơ quan thuế quản lý, do vậy, số liệu này có thể khác số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các khoản lỗ tính thuế dự kiến được chuyển vào thu nhập chịu thuế các năm tiếp theo như sau:

Năm phát sinh	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã kết chuyển	Số lỗ tính thuế còn được kết chuyển các năm sau	Tình trạng quyết toán của Cơ quan thuế
2023	32.957.527.728	(24.294.990.035)	8.662.537.693	Chưa quyết toán
Chuyển lỗ năm 2024		*(22.380.848.660)*		
Chuyển lỗ năm 2025		*(1.914.141.375)*		
Tổng	**32.957.527.728**	**(24.294.990.035)**	**8.662.537.693**	

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.264.471	131.137.474
Chi phí nhân công	2.955.952.895	3.197.994.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.742.212.550	2.965.044.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.965.418.514	6.541.575.502
Chi phí khác bằng tiền	3.081.995.473	2.640.293.621
Tổng	**18.869.843.903**	**15.476.045.937**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết

a. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	3.364.363.632	3.364.363.632
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	1.962.545.452	2.523.272.724
Trên 05 năm	-	-
Tổng	**5.326.909.084**	**5.887.636.356**

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
5	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp
8	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
15	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp
16	Công ty Cổ phần Khí hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
17	Công ty TNHH Sopet Gas One	Công ty liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác	1.676.530.917	1.714.080.848

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Ông Takehiko Kawamoto	Nguyên Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Nguyên thành viên độc lập	-	-
Ông Hosokoji Yu	Nguyên thành viên	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên	-	-
Ông Trần Minh Loan	Nguyên thành viên	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập	-	-
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập	-	-
Tổng		-	-

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Ông Shimbori Toshiyuki	Nguyên Chủ tịch	-	-
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/ĐHĐCĐ.NQ-ASP ngày 27/6/2025, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán là 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Ông Trần Minh Loan	Nguyên Tổng Giám đốc		218.933.566
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc	270.349.762	260.332.116
Ông Hosokoji Yu	Nguyên Phó Tổng Giám đốc		-
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc	311.303.617	
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thư ký Hội đồng Quản trị	678.736.769	274.625.000
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán		315.719.878
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	416.140.769	258.080.308
Ông Vũ Thanh Hòa	Nguyên cán bộ phụ trách công bố thông tin		386.389.980
Tổng		**1.676.530.917**	**1.714.080.848**

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Mua hàng		**2.132.880.672**	**531.317.957**
Công ty Cổ phần MT Gas	Phí gửi kho LPG, chi phí vận chuyển LPG	75.695.000	316.588.546
Saisan Co., Ltd.	Phí bảo hiểm	208.573.104	
	Chi phí khác	1.848.612.568	214.729.411
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Chi phí vận chuyển	1.869.195.818	-
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Mua LPG	46.349.760.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Bán hàng		**883.419.931.546**	**678.979.630.308**
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	411.675.429.854	338.477.993.624
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	345.511.704.837	29.769.295.953
Công ty Cổ Phần MT Gas	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	2.290.459.972	82.490.701.461
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	21.574.140.427	29.197.262.159
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	6.561.262.675	18.508.362.942
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	5.070.388.315	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG	35.896.454.757	101.232.756.408
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán LPG	36.924.506.444	39.931.837.159
Công ty TNHH Sopet Gas One	Bán LPG	17.915.584.265	39.371.420.602
Giao dịch cho vay			
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phần tiền gốc thu hồi	13.648.500.000	10.000.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Phần tiền gốc chi cho vay	-	950.000.000
	Phần tiền gốc thu hồi	475.000.000	
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Phần tiền gốc chi cho vay	-	1.450.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Phần tiền gốc chi cho vay	2.800.000.000	-
	Phần tiền gốc thu hồi	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phần tiền gốc chi cho vay	6.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính		**15.878.370.012**	**2.874.751.910**
Công ty Cổ phần MT Gas	Lãi cho vay	4.256.345.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Lãi cho vay	80.270.630	1.499.687.671
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi cho vay	8.151.782	144.483.286
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Lãi cho vay	53.928.081	45.287.670
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Lãi cho vay	149.945.205	-
	Lợi nhuận được chia	11.049.729.314	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Cổ tức được chia	280.000.000	1.185.293.283

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**382.483.349.289**	**389.480.379.769**
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	166.265.486.398	137.657.597.002
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	139.602.926.872	153.549.971.953
Công ty Cổ phần MT Gas	3.364.492.903	2.937.402.086
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	956.447.695	1.548.166.984
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	29.990.703.247	30.017.648.777
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	21.546.534.428	33.956.979.087
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	-	11.524.196.895
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	12.406.150.801	8.401.831.451
Công ty TNHH Sopet Gas One	2.002.403.328	9.886.585.534
Công ty Cổ phần Khí hóa Lỏng Hoàng Anh	6.348.203.617	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	**90.000.000.000**	**90.000.000.000**
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	90.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	**523.297.944**	**897.256.999**
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	336.547.822
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	16.678.356
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	97.643.835	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	18.174.657	9.236.301
Ông Lại Văn Tú	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	7.479.452	134.794.520
Phải thu về cho vay	**28.587.320.000**	**48.910.820.000**
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	13.648.500.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	475.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	14.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	1.450.000.000	1.450.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	2.800.000.000	15.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	**51.159.946.936**	**62.172.338**
Saisan Co., Ltd.	175.210.936	62.172.338
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	50.984.736.000	-
Phải trả khác	**-**	**15.139.169.928**
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	-	15.139.169.928

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Lại Văn Tú	Lại Văn Tú	Sakamoto Shinichiro